

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025; Kế hoạch số 61-KH/TU ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030”, Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025 với các nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững; giảm dần khoảng cách giàu nghèo giữa các địa phương; hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới; hỗ trợ người nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch - vệ sinh và tiếp cận thông tin). Nâng cao chất lượng cuộc sống, cải thiện điều kiện sống của người nghèo, gắn các mục tiêu giảm nghèo với tiêu chí xây dựng nông thôn mới, các chính sách an sinh xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho hộ nghèo phát triển kinh tế, tiến tới giảm nghèo bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2025 còn dưới 3%.
- Đến năm 2025, thu nhập bình quân đầu người của các hộ nghèo tăng ít nhất là 1,8 lần so với năm 2020 (tương đương 30,9 triệu đồng/người/năm).

3. Chỉ tiêu chủ yếu cần đạt đến năm 2025

a) Kết quả và chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình

- Phần đầu giảm 1/2 số hộ nghèo, hộ cận nghèo so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia.
- Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng trên 24 mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh

doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Phần đầu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm (không tính người khuyết tật, bệnh tật, ốm đau, sinh viên).

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo, lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

b) Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025 cùng với hệ thống chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội góp phần giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản như:

- Chỉ số thiếu hụt về việc làm:

+ 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

+ Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo qua đào tạo đạt 60%, trong đó: Có bằng cấp chứng chỉ đạt 25%.

- **Chỉ số thiếu hụt về y tế:** 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế.

- **Chỉ số thiếu hụt về giáo dục:** Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 90%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

- **Chỉ số thiếu hụt về nhà ở:** Có ít nhất 6.000 hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định.

- **Chỉ số thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh:** 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 60% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- **Chỉ số thiếu hụt về thông tin:** 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Phạm vi thực hiện

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh, khuyến khích các địa phương vận

dụng các chính sách, cơ chế giảm nghèo đặc thù áp dụng cho đối tượng nghèo trên địa bàn bằng nguồn lực của địa phương.

2. Đối tượng thụ hưởng

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên phạm vi toàn tỉnh; ưu tiên hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ, hộ nghèo có thành viên thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội, người có công.

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Các huyện, xã biên giới và các tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Thời gian thực hiện Chương trình: Từ năm 2022 đến năm 2025.

III. CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (tỉnh Đồng Tháp không có huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo).

2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Mục tiêu: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, cây trồng, vật nuôi phù hợp thế mạnh của địa phương để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo), người khuyết tật (không có sinh kế ổn định).

- Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo.

- Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện mô hình, dự án giảm nghèo.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch nhằm tạo

việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; tập huấn, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; trang thiết bị, vật tư, công cụ, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất phục vụ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh; tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với an ninh quốc phòng.

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do người dân đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán của địa phương, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và theo quy định của pháp luật.

d) Phân công thực hiện

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

đ) Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 91.806 triệu đồng (vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 80.188 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương: 8.018 triệu đồng;
- Vốn huy động hợp pháp khác: 3.600 triệu đồng.

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Mục tiêu: Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững.

- Đối tượng:

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo), người khuyết tật (không có sinh kế ổn định).

+ Chú trọng hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật, giống cây trồng, vật nuôi, thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y và hỗ trợ khác theo quy định.

+ Hỗ trợ phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

+ Hỗ trợ việc phát hiện, đánh giá, tài liệu hóa, thử nghiệm, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

- Phân công thực hiện:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 42.212 triệu đồng (vốn sự nghiệp), trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 35.102 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương: 3.510 triệu đồng.

+ Nguồn huy động hợp pháp khác: 3.600 triệu đồng.

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

- Mục tiêu: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo).

- Đối tượng:

Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo).

- Nội dung hỗ trợ:

+ Hỗ trợ việc tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo.

+ Tăng cường hoạt động chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc cho trẻ học đường (trẻ từ trên 5-16 tuổi).

- Phân công thực hiện:

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện tiểu dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn: 12.930 triệu đồng (vốn sự nghiệp), trong đó

+ Ngân sách Trung ương: 11.028 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương: 1.102 triệu đồng.

+ Nguồn huy động: 800 triệu đồng.

4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

- Mục tiêu: Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người dân sinh sống ở vùng nghèo, vùng khó khăn, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Đối tượng:

+ Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo), người lao động có thu nhập thấp.

+ Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại vùng nghèo, vùng khó khăn.

+ Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân có liên quan.

+ Các địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động của Tiểu dự án.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại vùng nghèo, vùng khó khăn.

+ Xây dựng các chuẩn, phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội tại vùng nghèo, vùng khó khăn.

+ Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm vùng nghèo, vùng khó khăn.

+ Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã vùng nghèo, vùng khó khăn.

+ Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

- Phân công thực hiện:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn: 40.303 triệu đồng (vốn sự nghiệp), trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 36.639 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương: 3.664 triệu đồng.

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, xã bãi ngang ven biển, hải đảo, đồng bào dân tộc thiểu số (tỉnh Đồng Tháp không có huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, xã bãi ngang ven biển, hải đảo).

c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

- Mục tiêu: Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Đối tượng:

+ Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo).

+ Người lao động vùng nghèo, vùng khó khăn.

+ Các Trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp dịch vụ việc làm vùng nghèo, vùng khó khăn.

+ Cơ quan quản lý nhà nước các cấp Trung ương và địa phương.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu.

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc.

+ Hỗ trợ giao dịch việc làm.

+ Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu về dân cư.

+ Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động.

+ Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

- Phân công thực hiện:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 48.500 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 15.700 triệu đồng; vốn sự nghiệp 32.800 triệu đồng).

+ Ngân sách Trung ương: 44.075 triệu đồng, trong đó:

- . Vốn đầu tư phát triển: 14.257 triệu đồng.
- . Vốn sự nghiệp: 29.818 triệu đồng.
- + Ngân sách địa phương: 4.425 triệu đồng, trong đó:
 - . Vốn đầu tư phát triển: 1.443 triệu đồng.
 - . Vốn sự nghiệp: 2.982 triệu đồng.

5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Mục tiêu: Hỗ trợ nhà ở cho ít nhất 6.000 hộ nghèo, cận nghèo có nhà ở bền chắc, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

- Đối tượng:

Hộ nghèo, hộ cận nghèo có tên trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý tại thời điểm xem xét và là hộ độc lập có thời gian tách hộ tối thiểu trên 03 năm.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có; đảm bảo diện tích sử dụng đạt “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

- Phân công thực hiện: Sở Xây dựng phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Tỉnh, các tổ chức thành viên Mặt trận và các Sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 240.000 triệu đồng.

+ Nguồn vốn huy động: 240.000 triệu đồng.

6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

- Mục tiêu:

+ Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; đảm bảo 100% xã có hệ thống đài truyền thanh hoạt động, phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương.

+ Tăng cường thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu, nhất là cung cấp thông tin về cơ sở khu vực biên giới, thông tin cho người dân sinh sống trên địa bàn các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, bao gồm thông tin về kiến thức, kỹ năng, mô hình, kinh nghiệm lao động, sản xuất, kinh doanh; truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội bền vững.

+ Hỗ trợ, tạo điều kiện tiếp cận thông tin thiết yếu cho cộng đồng dân cư; đảm bảo 100% xã có điểm cung cấp thông tin công cộng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thông tin thiết yếu; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Đối tượng:

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo); người dân sinh sống ở vùng biên giới.

+ Các địa bàn nghèo, khó khăn, khu vực biên giới.

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông.

+ Thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới và cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới.

+ Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo.

+ Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội. Trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh trang bị cơ sở vật chất, cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, nhất là cho khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn để góp phần tạo đồng thuận xã hội, nâng cao kiến thức, kỹ năng sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế, góp phần thực hiện mục tiêu thoát nghèo bền vững và phục vụ có hiệu quả công tác quản lý, điều hành của chính quyền cấp xã.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành có liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 4.525 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách Trung ương: 4.114 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương: 411 triệu đồng.

b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Mục tiêu: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

- Đối tượng:

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững.

+ Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần “tương thân tương ái” của dân tộc ta đối với người nghèo.

+ Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản tích cực tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững.

+ Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, khơi dậy ý chí tự lực tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng, phấn đấu “Vì một Việt Nam không còn đói nghèo”; biểu dương, khen thưởng đối với các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo.

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông, định hướng cho người dân tiếp cận, thụ hưởng Chương trình, dịch vụ xã hội cơ bản về dạy nghề, việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới.

+ Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo định kỳ ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở.

+ Phát triển, tăng cường hoạt động Trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

- Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành có liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 6.302 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách Trung ương: 5.729 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương: 573 triệu đồng.

7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- Mục tiêu: Tập huấn nâng cao năng lực, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp, nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo; đảm bảo thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả.

- Đối tượng:

+ Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở gồm: trưởng khóm, ấp, cán bộ Chi hội các hội đoàn thể, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín, chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ.

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung:

+ Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo (việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin); nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý cho người nghèo và đối tượng yếu thế, lòng ghép giới, hỗ trợ người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn không rơi vào tình trạng đói nghèo.

+ Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

- Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 17.854 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách Trung ương: 16.231 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương: 1.623 triệu đồng.

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

- Mục tiêu:

+ Thiết lập quy trình tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, đảm bảo thực hiện đạt được mục tiêu đề ra.

+ Tổ chức giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

- Đối tượng:

+ Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá.

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng khung kết quả của Chương trình, gồm: hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện.

+ Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất.

+ Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp.

+ Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

- Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 9.477 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách Trung ương: 8.615 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương: 862 triệu đồng.

8. Rà soát hằng năm về hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình

- Mục tiêu:

+ Rà soát đánh giá biến động hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 và xây dựng dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo; làm cơ sở thực hiện các sách giảm nghèo, chính sách an sinh xã hội.

+ Rà soát xác định thu nhập hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 làm cơ sở vận động, hỗ trợ đối tượng được ngân sách nhà nước mua bảo hiểm y tế theo Luật Bảo hiểm y tế và thực hiện các chính sách theo quy định.

+ Xác định tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; phân tích các chiều thiếu hụt của hộ gia đình, để làm cơ sở cho việc đề xuất giải pháp thực hiện các chính sách giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội.

- Nội dung thực hiện:

+ Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình theo quy trình và bộ công cụ quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày

16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định thu nhập hộ có mức sống trung bình thực hiện từ xóm, ấp, xã, phường, thị trấn và trực tiếp đối với từng hộ gia đình, đảm bảo đúng nguyên tắc dân chủ ở cơ sở, công bằng, công khai có sự tham gia và giám sát của người dân, xác định đúng đối tượng, không trùng lặp, bỏ sót đối tượng, phản ánh đúng thực tế tình hình, diễn biến hộ nghèo, hộ cận nghèo tại địa phương.

- Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức thực hiện hằng năm; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn:

+ Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 6.000 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 6.000 triệu đồng.

IV. TỔNG NHU CẦU VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2022 - 2025

Tổng vốn: 519.909 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 15.700 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 256.209 triệu đồng.

- Vốn huy động hợp pháp khác: 248.000 triệu đồng.

a) Ngân sách trung ương: 241.721 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 14.257 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 227.464 triệu đồng.

b) Ngân sách địa phương: 30.188 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 1.443 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 28.745 triệu đồng.

c) Vốn huy động hợp pháp khác: 248.000 triệu đồng.

2. Phân kỳ nguồn vốn hằng năm

Đơn vị: Triệu đồng

Năm	Tổng vốn	NS Trung ương	Trong đó		NS địa phương	Trong đó		Huy động khác
			ĐTPT	SN		ĐTPT	SN	
GD 2022 - 2025	519.909	241.721	14.257	227.464	30.188	1.443	28.745	248.000
Năm 2022	91.831	26.210	1.236	24.974	3.821	124	3.697	61.800

Năm 2023	142.516	72.056	4.340	67.716	8.410	440	7.970	62.050
Năm 2024	142.516	72.056	4.340	67.716	8.410	440	7.970	62.050
Năm 2025	143.046	71.399	4.341	67.058	9.547	439	9.108	62.100

V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguyên tắc thực hiện Chương trình

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao, xã có kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, hộ nghèo có thành viên là đối tượng bảo trợ xã hội và trẻ em, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Phân bổ vốn theo đúng quy định hiện hành, phù hợp với tình hình thực tế, điều kiện của địa phương; bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân.

- Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn thể xã hội về giảm nghèo bền vững, khơi dậy, phát huy tinh thần nỗ lực, tự lực vươn lên thoát nghèo của người nghèo, hộ nghèo và cộng đồng.

- Phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của địa phương.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho giảm nghèo, trong đó ngân sách nhà nước giữ vai trò chủ đạo; huy động sự tham gia, đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong thực hiện Chương trình.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành.

2. Về giải pháp huy động vốn, lồng ghép nguồn lực

- Ngân sách nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, huy động tối đa các nguồn lực xã hội, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Tỉnh; bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương và trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình của người dân, đối tượng thụ hưởng, nhất là vốn đối ứng.

- Lồng ghép nguồn lực thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo nói chung và các chính sách giảm nghèo đặc thù với các dự án, nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

3. Về cơ chế quản lý, thực hiện Chương trình

- Thực hiện cơ chế phân cấp, trao quyền cho địa phương, cơ sở; tăng cường sự tham gia của người dân trong suốt quá trình xây dựng và thực hiện Chương trình. Khuyến khích và mở rộng hoạt động tạo việc làm công cho lao

động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người dân trên địa bàn thông qua các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, đa dạng hóa sinh kế, mô hình giảm nghèo và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Thúc đẩy tinh thần tự lực, tự cường của người dân và cộng đồng trong giảm nghèo; áp dụng cách tiếp cận giảm nghèo dựa vào cộng đồng; mở rộng và tạo điều kiện sự tham gia của người dân về các hoạt động của Chương trình từ việc xác định đối tượng thụ hưởng đến việc lập kế hoạch; triển khai, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện, bảo đảm tính công khai, minh bạch.

4. Về tuyên truyền nâng cao nhận thức

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần “tương thân, tương ái”, khơi dậy ý chí tự lực tự cường của người nghèo, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội.

- Đổi mới Phong trào thi đua “Chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng, phấn đấu “Vì một Việt Nam không còn đói nghèo”.

5. Nâng cao, năng lực bồi dưỡng kiến thức

Nâng cao năng lực đội ngũ những người làm công tác giảm nghèo, những người tham gia thực hiện các nội dung của Chương trình để hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, hỗ trợ người dân nâng cao năng lực. Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh cho các đối tượng trực tiếp tham gia thực hiện các dự án của Chương trình.

6. Kiểm tra, giám sát và đánh giá

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các cơ quan chức năng nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của các ngành, các cấp trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các hoạt động giảm nghèo tại địa phương, kịp thời điều chỉnh hoặc kiến nghị điều chỉnh những điểm bất hợp lý về chính sách, kế hoạch và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật. Khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tổ chức thực hiện.

VI. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Là cơ quan thường trực quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện các giải pháp để tăng cường công tác phối hợp

và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tổ chức thực hiện Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các địa phương; tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo kết quả định kỳ, đột xuất đến Ủy ban nhân dân Tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Trực tiếp triển khai thực hiện Dự án 2, Dự án 4, Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6 và Dự án 7.

- Hướng dẫn các ngành, địa phương thực hiện giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo đúng biểu mẫu thu thập theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương, vốn đối ứng ngân sách địa phương cho Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hằng năm trình Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, quyết định. Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

3. Sở Tài chính

Tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022- 2025; phối hợp tham gia kiểm tra việc sử dụng kinh phí theo quy định.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3; trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp chung báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

5. Sở Y tế

Trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện Dự án và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp chung báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì triển khai Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6; trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6; theo dõi, giám sát, tổng hợp

kết quả thực hiện và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp chung báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các địa phương thực hiện một số nội dung của Chương trình nhằm nâng cao tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi, đúng cấp học và triển khai thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, phối hợp với các sở, ngành theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

8. Sở Xây dựng

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên Mặt trận, triển khai Dự án 5, thực hiện hỗ trợ hộ nghèo chiêu thiếu hụt về nhà ở; phối hợp với các sở, ngành theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tỉnh và các tổ chức thành viên theo chức năng, nhiệm vụ, thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình; thực hiện vận động kinh phí hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho hộ gia đình khó khăn trong tỉnh, trong đó ưu tiên cho nhóm đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo.

10. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và đơn vị giúp việc Ban Chỉ đạo cấp huyện theo các nguyên tắc và yêu cầu như đối với Ban Chỉ đạo Tỉnh, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 tại địa phương.

- Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình trong giai đoạn 5 năm và hàng năm, gồm các nội dung: Kế hoạch thực hiện Chương trình và dự kiến kinh phí, chủ động huy động thêm nguồn lực khác thực hiện Chương trình.

- Phân công, phân cấp trách nhiệm của các cấp và cơ quan liên quan trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở.

- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương.

VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Các sở, ngành Tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, hằng năm xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện. Định kỳ, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng (gửi trước ngày 15/6) và báo cáo năm (gửi trước ngày 15/11) và báo cáo giữa kỳ, tổng kết giai đoạn (có hướng dẫn sau) về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - TB&XH;
- Văn phòng Quốc gia về GN;
- Mặt trận TQVN Tỉnh và tổ chức thành viên;
- Các CT/PCT UBND Tỉnh;
- Lãnh đạo VP/UBND Tỉnh;
- Các sở, ngành Tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, THVX(Tuyen).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đoàn Tấn Bửu